

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HS-PT

Ngày: 08/3/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyền;

Ông Phùng Hải Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 765/2020/TLPT-HS ngày 22 tháng 9 năm 2020 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2020/HSST ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Bị cáo có kháng cáo:

Hà Huy T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 07 tháng 06 năm 1989 tại: V, Sơn La; Nơi cư trú: Bản S, xã M, huyện V, tỉnh Sơn La. Đăng ký tạm trú tại bản N, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp trước khi phạm tội: Giáo viên tiểu học; trình độ học vấn: 12/12; Đảng phái, đoàn thể: Không. Con ông: Hà Văn C (đã chết); con bà: Lường Thị H, sinh năm 1968; có vợ: Đinh Thị N, sinh năm 1990, trú tại bản S, xã M, huyện V, tỉnh Sơn La và có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Hà Huy T bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2018 đến 15/12/2018 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho bảo lãnh được tại ngoại, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Phạm Thị O không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

- Người bào chữa cho bị cáo: NBC, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị O sinh năm 1969, trú tại tổ 11, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2017, với mục đích chiếm đoạt tài sản O đã đưa ra những thông tin gian dối, sai sự thật như: O có mối quan hệ quen biết rộng, có khả năng xin việc làm để nhận tiền xin việc cho những người có nhu cầu.

Do quen biết với Hà Huy T, Phạm Thị O nói với T là O có khả năng xin việc cho nhiều người, nếu ai có nhu cầu thì T giới thiệu O sẽ xin giúp. Với mục đích hưởng lợi một phần tiền nhận từ các bị hại Hà Huy T đã đưa ra các thông tin sai sự thật để nhận tiền của 02 bị hại với số tiền 520.000.000 đồng. T chuyển cho O 450.000.000 đồng, chiếm đoạt 70.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân cụ thể:

Khoảng tháng 06/2015, T biết bà Vì Thị H sinh năm 1973 (ở cùng xã với T) có con trai là Đinh Đức T1 đã tốt nghiệp Trường Cao đẳng sư phạm Sơn La, chưa xin được việc làm. T nói với bà H có quen một người có khả năng xin việc (*T không nói cụ thể là ai*). Do đang có nhu cầu xin việc cho anh T1, bà H đã nhờ T xin cho T1 công tác trong ngành giáo dục. T đã gọi điện cho Phạm Thị O về trường hợp của T1, O nói có thể xin cho T1 vào biên chế trong ngành giáo dục ở huyện T nhưng phải chi phí 220.000.000 đồng. Bà H đã đưa cho T 03 lần tổng số tiền là 220.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền T chuyển cho O 197.000.000 đồng. T giữ lại chi tiêu cá nhân 23.000.000 đồng, trong đó có 3.000.000 đồng O thỏa thuận cho T vay.

Cuối năm 2016, T biết bà Hà Thị Q sinh năm 1968, trú tại bản S, xã M, huyện V, tỉnh Sơn La (bác họ T) đang có nhu cầu xin việc làm cho anh Lương Văn C, T đã gọi điện cho O trao đổi và được O đồng ý xin cho anh C làm công tác tại Ủy ban nhân dân huyện M với chi phí 250.000.000 đồng. T trao đổi lại với bà Q có thể xin việc cho C với chi phí 300.000.000 đồng (T đã nâng mức chi phí lên 300.000.000 đồng, chênh lệch 50.000.000 đồng để chiếm đoạt). Bà Q đã đưa cho T 02 lần với tổng số tiền là 300.000.000 đồng (có giấy biên nhận vay tiền). Sau khi nhận tiền T đã giao cho O 250.000.000 đồng. T giữ lại 50.000.000 đồng chi tiêu cá nhân.

Sau một thời gian không thấy C được đi làm, bà Q đòi lại tiền thì O đã chuyển cho T để trả lại bà Q 50.000.000 đồng. O và T còn chiếm đoạt của bà Q 250.000.000 đồng.

Quá trình điều tra O khai nhận, số tiền đã nhận của T và các bị hại, O đã

chuyển cho Hoàng Thị Mai B để nhờ xin việc. Khi giao tiền không làm giấy tờ và không có ai chứng kiến.

Như vậy: Hà Huy T đã nhận tiền của 02 bị hại với tổng số tiền là 520.000.000 đồng. T đã chuyển cho O 450.000.000 đồng, T giữ lại 70.000.000 đồng. Trước khi bị khởi tố O đã trả cho bà Q 50.000.000 đồng, nên O còn chiếm đoạt 400.000.000 đồng, T chiếm đoạt 70.000.000 đồng của bà H và bà Q nên O phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền 400.000.000 đồng, T phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền 470.000.000 đồng.

Sau khi bị tố giác, O và T đã trả hết tiền cho 2 bị hại, trong đó O trả 280.000.000 đồng; T trả 190.000.000 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2020/HSST ngày 14/8/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã căn cứ điểm điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Hà Huy T phạm tội: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Hà Huy T 07 (bảy) năm tù, được khấu trừ đi 02 tháng 05 ngày tạm giam, bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 06 (sáu) năm 09 (chín) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình để chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Hà Huy T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị O, trách nhiệm dân sự, quyết định xử lý vật chứng, nghĩa vụ chậm trả, nghĩa vụ thi hành án, về án phí và T báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Hà Huy T có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt với lý do: Bị cáo và gia đình 2 bị hại có mối quan hệ họ hàng nên có nhờ bị cáo xin việc cho anh T1 và anh C. Bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, giúp cơ quan chức năng nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án, trả lại toàn bộ tiền cho các bị hại và được các bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo, gia đình có công với cách mạng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với các lý do như đã nêu trong đơn kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La vì bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới. Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng: Cấp sơ thẩm xác định bị cáo chỉ chiếm đoạt của bị hại 70 triệu đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại hành vi của bị cáo chỉ

chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Theo Luật sư, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt trong đó có các tình tiết mới như: Có thành tích trong công tác, chủ động cung cấp thông tin cho Cơ quan điều tra thu thập chứng cứ, gia đình nhiều người có công với cách mạng, bị hại tiếp tục có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo, chính quyền địa phương có đơn xin giảm hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm v, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để chấp nhận kháng cáo và giảm hình phạt cho bị cáo T. Trong phần đối đáp, đại diện Viện kiểm sát không đồng tình quan điểm của Luật sư về việc xác định bị cáo T chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự 70 triệu đồng vì T và O đã cùng thực hiện hành vi phạm tội và đến khi khởi tố vụ án, các bị hại còn bị chiếm đoạt 470 triệu đồng, trong đó O giữ 400 triệu đồng và T giữ 70 triệu đồng. Do đó cấp sơ thẩm xác định T phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền 470 triệu đồng các bị hại đã bị chiếm đoạt là chính xác. Theo đó cấp sơ thẩm truy tố và xét xử T theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của bị cáo và Luật sư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo Hà Huy T vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo về cơ bản thống nhất và phù hợp với lời khai của Phạm Thị O và lời khai của các bị hại, những người có liên quan trong vụ án, phù hợp với kết quả giám định chữ viết, chữ ký của bị cáo trong các giấy biên nhận tiền vay, các tin nhắn trong điện thoại, các tài liệu có trong hồ sơ và tang vật của vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định: Hà Huy T đã nhận tổng số 520.000.000 đồng của bà Vì Thị H và bà Hà Thị Q và đã nộp cho Phạm Thị O 450.000.000 đồng để O xin việc làm cho anh Đinh Đức T (con bà H), anh Lường Văn C (con bà Q) mặc dù T biết O chỉ là người quen biết, làm xây dựng. Hậu quả là O và T không xin được việc cho anh T1 và anh C. Đến khi khởi tố vụ án, O và T đã chiếm đoạt số tiền của 02 gia đình bị hại là 470.000.000 đồng. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử Hà Huy T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo T thì thấy:

Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá

đúng tích chất nguy hiểm của hành vi bị cáo đã thực hiện. Theo đó, cấp sơ thẩm xác định hành vi của bị cáo T không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của cán bộ, cơ quan Nhà nước là chính xác vì khi phạm tội bị cáo là giáo viên của trường tiểu học. Do đó, cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo là cần thiết nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo chỉ có một tình tiết tăng nặng hình phạt là phạm tội nhiều lần nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt như: Khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đã cùng bị cáo O trả lại các bị hại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt (bị cáo T được hưởng 70 triệu đồng nhưng đã trả bị hại 190 triệu đồng); các bị hại có đơn và đề nghị xin giảm hình phạt cho bị cáo (riêng bà H đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo). Gia đình bị cáo có công với cách mạng. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống và làm việc ở vùng núi xa xôi, nhiều năm được Chủ tịch UBND huyện M tặng danh hiệu lao động tiên tiến vì đã có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ công tác. Hiện tại hoàn cảnh gia đình khó khăn, con nhỏ, phạm tội do hám lợi nhất thời và bị Phạm Thị O rủ rê lôi kéo. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự giảm một phần hình phạt và cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ điều kiện giáo dục và cải tạo bị cáo.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Hà Huy T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị và phù hợp quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Hà Huy T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2020/HSST ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La về hình phạt đối với bị cáo T như sau:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt: Hà Huy T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giam từ ngày 10/10/2018 đến 15/12/2018.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Hà Huy T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: PHCTP, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Sơn